

Số: 93 /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 11 năm 2016

SỞ TƯ PHÁP T. TUYÊN QUANG

Ngày 16 -11- 2016

CÔNG VĂN ĐẾN số: 4472

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước tỉnh Tuyên Quang năm 2017

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006, Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005, Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Văn bản số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Phiên bản 1.0;

Căn cứ Nghị quyết số 42-NQ/TU ngày 28/8/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 58-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá;

Căn cứ Chương trình hành động số 38-CTr/TU ngày 16/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XV) Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Lộ trình thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2015 - 2016 định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 01/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Văn bản số 2718/BTTTT-THH ngày 10/8/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 1819/QĐ-TTg

ngày 26/10/2015 và xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2017,

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang năm 2017 với những nội dung như sau:

I. Kết quả ứng dụng CNTT năm 2016

A. Những kết quả đạt được

1. Môi trường pháp lý

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh, như: Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 01/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016 - 2020, Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 về phê duyệt Lộ trình thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2015 - 2016 định hướng đến năm 2020, Quyết định số 1173/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt dự án Ứng dụng công nghệ thông tin đẩy mạnh phát triển Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016 - 2020, Văn bản số 2331/UBND-THCB ngày 29/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về lập Danh mục và sơ bộ Tổng mức đầu tư Dự án Thiết lập hệ thống truyền dẫn băng rộng và mạng truy nhập băng rộng. Đây là cơ sở để các cơ quan, đơn vị xây dựng các chương trình, ứng dụng công nghệ thông tin gắn với cải cách cách hành chính tại đơn vị. Tuy nhiên trong quá trình triển khai gặp nhiều khó khăn, kinh phí bố trí cho ứng dụng công nghệ thông tin tại các đơn vị còn hạn chế, nguồn nhân lực cho công nghệ thông tin còn thiếu.

2. Hạ tầng kỹ thuật

100% các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có mạng nội bộ (LAN), 100% các máy tính tại các cơ quan, đơn vị được kết nối Internet băng thông rộng để khai thác và trao đổi thông tin trên môi trường mạng; tỷ lệ trung bình máy tính/CBCC là 1 máy tính/2,5 CBCC.

Mạng Internet đã được mở rộng đến các xã phường, thị trấn, cơ sở y tế và các trường học: 100% xã, phường, thị trấn; cơ sở y tế từ tỉnh đến xã; trường mầm non (148 trường), phổ thông (gồm 148 trường tiểu học, 17 trường liên cấp TH-THCS, 138 trường THCS, 29 trường THPT, 01 trường liên cấp THCS-THPT) trên địa bàn tỉnh đã có kết nối mạng.

Mạng truyền số liệu chuyên dùng các cơ quan Đảng và Nhà nước đã được đầu tư, trong đó các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã có đường truyền là 28.

Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Tuyên Quang đã được xây dựng với 11 điểm cầu (giai đoạn I triển khai trong năm 2014 - 2015), đang triển khai xây dựng Giai đoạn II tại 17 điểm cầu (Sở, ban, ngành).

Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của các cơ quan, đơn vị đã được quan tâm. Đến nay có khoảng 90% máy tính trong các cơ quan, đơn vị có cài đặt phần mềm diệt virus; có 20 cơ quan, đơn vị có trang bị hệ thống tường lửa, 07 cơ quan, đơn vị có hệ thống phát hiện và phòng, chống truy cập trái phép; 11 cơ quan, đơn vị có trang bị hệ thống an toàn dữ liệu (tủ/băng đĩa/ SAN/ NAS); 18 cơ quan, đơn vị có hệ thống báo an toàn báo cháy, nổ, an toàn chống sét tại phòng máy chủ.

3. Hiện trạng về nguồn nhân lực ứng dụng công nghệ thông tin

100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo tin học và ứng dụng các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ, sử dụng thành thạo máy tính trong công việc.

Tổng số cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị là 56, trong đó 48 có trình độ từ đại học trở lên, còn lại là trình độ cao đẳng, trung cấp, số cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin là 28.

Đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn, an ninh thông tin tại các cơ quan, đơn vị còn yếu, chưa được đào tạo, tập huấn chuyên sâu về an toàn, an ninh thông tin, cán bộ, công chức nhận thức về an toàn, an ninh thông tin còn hạn chế.

Có 153 trường trung học cơ sở, 30 trường trung học phổ thông có giảng dạy tin học. Số trường đại học, cao đẳng có đào tạo chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông là 02 trường.

Phần lớn các trường được trang bị phòng máy vi tính, phòng đa năng, kết nối Internet. Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đặc biệt trong dạy học giúp nâng cao chất lượng học tập cho học sinh, tạo ra một môi trường giáo dục mang tính tương tác cao, giáo viên được đổi mới các phương pháp và hình thức dạy học.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ các cơ quan

Công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành trên môi trường mạng tại các cơ quan, đơn vị đã được quan tâm. 100% cán bộ nghiên cứu, tổng hợp, cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện trao đổi, tra cứu, khai thác thông tin trên môi trường mạng. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh sử dụng thư điện tử trong công việc đạt trên 73%, cấp huyện đạt trên 40%.

Hệ thống thư điện tử tỉnh (@tuyenquang.gov.vn) đã được xây dựng và triển khai. Tạo lập và cung cấp 322 hòm thư tập thể, 4.521 hòm thư cá nhân cho các cơ quan, đơn vị trong tỉnh; cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hòm thư điện tử trong công việc.

Phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành công việc đã được triển khai cài đặt, tập huấn sử dụng cho 100% các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. Đến ngày 01/12/2015, tỉnh đã hoàn thành việc kết nối, liên thông phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành giữa Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang, Sở Thông tin và Truyền thông lên Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

và từ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh lên Văn phòng Chính phủ. Hiện phần mềm đã kết nối chính thức với văn phòng Chính phủ, dự kiến 01/01/2017 kết nối liên thông tới 100% các cơ quan, đơn vị.

Tỉ lệ văn bản không mật trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, bộ, ngành, Thủ tướng, Chính phủ dưới dạng điện tử (bao gồm cả văn bản trình kết hợp văn bản giấy và văn bản điện tử): 50%.

Tỉ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh với các đơn vị bên ngoài dưới dạng điện tử: 50%.

Tỉnh chưa triển khai ứng dụng chứng thực điện tử và chữ ký số trong việc trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước. Hầu hết các cơ quan, đơn vị mới chỉ sử dụng chữ ký số công cộng trong kê khai bảo hiểm xã hội và kê khai thuế, Sở Giao thông vận tải ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong chữ ký giấy phép lái xe, Công an tỉnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng ký các văn bản gửi Bộ Công an.

Các cơ quan, đơn vị thường xuyên ứng dụng phần mềm trong xử lý công việc như: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh với Hệ thống Cơ sở dữ liệu theo dõi, Dịch vụ kê khai Bảo hiểm xã hội điện tử; Sở Tài chính với CSDL thu chi ngân sách; Sở Nội vụ với CSDL thi đua khen thưởng; Sở Kế hoạch và đầu tư với hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia; Sở Tư pháp với phần mềm: Công chứng, Hộ tịch, Lý lịch tư pháp; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với phần mềm: Quản lý cán bộ, quản lý HTX nông nghiệp; Sở Xây dựng với phần mềm: Cấp chứng chỉ 2009.net, tra cứu văn bản pháp luật đất đai, dự toán Aciit, dự toán Delta; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội với phần mềm: Quản lý chi trả trợ cấp ưu đãi người có công, quản lý lưu trữ hồ sơ người có công, quản lý hộ nghèo, quản lý đối tượng bảo trợ xã hội, cấp phép lao động nước ngoài; Sở Giao thông vận tải với phần mềm: Quản lý, sát hạch lý thuyết, thực hành, cấp, đổi giấy phép lái xe, thiết kế đường, đo vẽ bản đồ địa hình, quản lý cầu, đường; Sở Tài nguyên và Môi trường với phần mềm: Đồ họa (Microstatiose, V8, Mapinfo, Aoutocad), xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính (Vilis 2.6, TMV, Gcadas), quản lý thông tin về đất đai, khoáng sản, môi trường; tích hợp cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường; thống kê, kiểm kê đất đai (TK tools); Thanh tra tỉnh với phần mềm báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng.

Sở Y tế tổ chức “Hội chẩn trực tuyến” với các bệnh viện trung ương thông qua Internet.

Sở Giáo dục và Đào tạo ứng dụng CNTT trong quản lý thi THPT quốc gia; quản lý trường học; xây dựng bài giảng E-Learning; xây dựng sách giáo khoa điện tử, khai thác các nguồn học liệu, Quản lý cán bộ PMIS online, Thống kê online, Quản lý phổ cập giáo dục online.

Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh ứng dụng mạnh mẽ CNTT trong các hoạt động chuyên môn như: Sản xuất, lưu trữ, truyền dẫn, phát sóng các chương trình phát thanh, truyền hình; ...

5. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

100% các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã có trang thông tin điện tử, 18 đơn vị có trang thông tin điện tử độc lập, còn lại các đơn vị có trang thông tin điện tử là trang thành phần của Cổng thông tin điện tử tỉnh.

Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cơ bản bám sát định hướng của tỉnh tạo môi trường giao tiếp giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền, đưa tin, bài phản ánh các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh, trong nước và quốc tế; công bố các văn bản chỉ đạo, điều hành của tỉnh; các thông tin tuyển dụng, đào tạo; công khai tiến độ giải quyết hồ sơ, văn bản đi, đến của các sở, ban, ngành; đăng tải các dịch vụ công trực tuyến.

Tuy nhiên hoạt động của Cổng thông tin điện tử và các trang thông tin điện tử còn nhiều hạn chế: Thông tin được cung cấp lên Cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử còn thiếu và chưa đầy đủ theo quy định tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ, địa chỉ tên miền của các trang thông tin điện tử chưa tuân thủ theo quy định, dịch vụ công trực tuyến được cung cấp lên cổng thông tin điện tử chủ yếu ở mức 1, 2. Một số cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, như: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Số sở, ban, ngành ứng dụng CNTT tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính là 15 đơn vị, đạt 78,9%. Ngoài ra, các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại địa phương như: Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Công an tỉnh cũng đã ứng dụng mạnh mẽ CNTT trong việc quản lý và tổ chức hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tại đơn vị mình.

100% số huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn ứng dụng CNTT tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính.

Từ tháng 5/2015 đến tháng 5/2016, các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh đã tiếp nhận 95.898 hồ sơ, việc; giải quyết đúng hạn 95.140 hồ sơ, việc; cấp huyện, cấp xã tiếp nhận 228.093 hồ sơ, việc; giải quyết đúng hạn 227.916 hồ sơ, việc; số dịch vụ công theo Quyết định 1819/QĐ-TTg và Nghị quyết 36a/NQ-CP mới công bố ở mức 1, 2, dự kiến triển khai đồng loạt mức 3 vào năm 2017.

Hệ thống một cửa điện tử từng bước được triển khai, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang, Sở Tài nguyên và môi trường triển khai Hệ thống “Một cửa điện tử” công bố Bộ thủ tục hành chính, cung cấp các dịch vụ công trên môi trường mạng về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết.

Ngành Y tế triển khai tốt việc ứng dụng CNTT như: Ứng dụng phần mềm quản lý bệnh viện (quản lý hành chính, quản lý bệnh nhân, quản lý quy trình khám chữa bệnh/cấp phát thuốc/theo dõi tình trạng tiến triển...) tại các bệnh viện nhằm nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh cho nhân dân.

Công an Tuyên Quang ứng dụng và khai thác phần mềm Quản lý lưu trú trên địa bàn huyện Chiêm Hóa, Sơn Dương và thành phố Tuyên Quang. Đến nay đã có

245 đơn vị (173/173 cơ sở kinh doanh lưu trú, 72 đơn vị Công an cấp xã) qua thống kê có khoảng 8.698 lượt khách lưu trú (trong đó có 168 người nước ngoài). Ngành đang xây dựng và triển khai thử nghiệm phần mềm dịch vụ công mức 3 cấp hộ chiếu phổ thông trên mạng Internet để tiếp nhận thông tin hồ sơ và thông báo kết quả giải quyết cấp hộ chiếu phổ thông trên mạng Internet.

Việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý nhà nước đã góp phần tháo gỡ nhiều khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và quản trị doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

6. Triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (CSDL)

Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã sử dụng một số hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành như: Hệ thống Cơ sở dữ liệu theo dõi (Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh); Hệ thống thông tin Đăng ký doanh nghiệp quốc gia (Sở Kế hoạch và Đầu tư); CSDL cán bộ công chức, CSDL Thi đua khen thưởng, CSDL HS chức sắc, chức việc tôn giáo, CSDL cơ sở thờ tự tôn giáo, CSDL Tài liệu lưu trữ (Sở Nội vụ); CSDL Sở hữu trí tuệ, CSDL đề tài, dự án (Sở Khoa học và Công nghệ); CSDL Pháp luật; CSDL Lý tịch tư pháp; CSDL Thủ tục hành chính (Sở Tư pháp); CSDL thu - chi ngân sách (Sở Tài chính); CSDL đất đai, CSDL chuyên ngành Tài nguyên và Môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường); CSDL Tư liệu Phát thanh - Truyền hình (Đài phát thanh và truyền hình tỉnh); ...

7. Tổng hợp các nhiệm vụ, dự án thực hiện đầu tư năm 2016

(Có danh mục dự án kèm theo)

8. Đánh giá chung

Ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh đã đạt được một số mục tiêu cơ bản, ứng dụng CNTT hỗ trợ công tác chuyên môn ngày càng có chiều sâu và đem lại hiệu quả; công tác quản lý điều hành ngày càng được nâng cao và có chuyển biến tốt, chất lượng, hiệu quả trong hoạt động nội bộ của cơ quan nhà nước và giữa các cơ quan nhà nước, trong giao dịch của cơ quan nhà nước với tổ chức và cá nhân ngày càng tăng; hỗ trợ đẩy mạnh cải cách hành chính và bảo đảm công khai, minh bạch. Nhìn chung, hạ tầng CNTT của tỉnh chưa thực sự đảm bảo với yêu cầu ngày càng cao, ứng dụng dùng chung chưa nhiều, công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và đào tạo nguồn nhân lực chưa được chú trọng.

Hoạt động của Công thông tin điện tử của tỉnh và các Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị mặc dù đã được các cấp lãnh đạo quan tâm nhưng vẫn còn nhiều hạn chế.

B. Những khó khăn, hạn chế

CNTT được ứng dụng nhiều trong các cơ quan nhà nước nhưng vẫn còn rời rạc, chưa thống nhất, đồng bộ, việc kết nối liên thông giữa các đơn vị gặp nhiều khó khăn. Cán bộ, công chức chưa đề cao việc ứng dụng CNTT trong công việc, kỹ năng về ứng dụng CNTT còn hạn chế.

Hạ tầng kỹ thuật CNTT và các thiết bị đảm bảo an toàn, an ninh thông tin tại các cơ quan, đơn vị còn ít và thiếu so với nhu cầu thực tế; chưa khai thác, phát huy được tối đa tính năng, lợi ích của các phương tiện CNTT, thiết bị CNTT để nâng cao hiệu quả trong công việc cũng như trong quản lý điều hành.

Cơ chế thuê dịch vụ CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước chưa có, các cơ quan gặp khó khăn khi triển khai; chưa có quy định danh mục chi tiết các hoạt động ứng dụng, dịch vụ CNTT phải thuê; chưa có được thông tin đầy đủ về thị trường, sản phẩm và các doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ CNTT, từ đó gặp khó khăn trong việc lựa chọn doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ khi có nhu cầu thuê dịch vụ. Chưa có hướng dẫn xây dựng, bố trí nguồn kinh phí dành cho việc thuê các dịch vụ CNTT hàng năm.

Nhân lực phụ trách triển khai CNTT tại các cơ quan nhà nước còn thiếu và yếu dẫn đến việc tham mưu, triển khai thực hiện các ứng dụng CNTT chưa kịp thời.

C. Đề xuất giải pháp khắc phục

Để khắc phục những khó khăn hạn chế trên, tỉnh có một số giải pháp khắc phục như sau:

** Giải pháp về tài chính*

- Thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo khả thi về nguồn lực triển khai; ưu tiên tập trung đầu tư các chương trình, dự án quan trọng, cấp thiết phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh;

- Có chính sách thu hút, khuyến khích, tăng cường nguồn lực cho ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước;

- Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, khai thác các nguồn vốn từ các chương trình, dự án hỗ trợ từ các bộ, ngành trung ương để thực hiện các chương trình, dự án quan trọng, cấp thiết; khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông trong tỉnh đầu tư phát triển hạ tầng, các dịch vụ CNTT;

- Tăng cường thuê dịch vụ để triển khai ứng dụng CNTT theo Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước.

** Giải pháp triển khai*

- Tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong tỉnh về vai trò, tác dụng của việc ứng dụng và phát triển CNTT vào thực tiễn cuộc sống;

- Gắn việc ứng dụng và phát triển CNTT với việc thực hiện cải cách hành chính và các nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh;

- Triển khai thực hiện ứng dụng CNTT kết hợp với Hệ thống quản lý chất lượng ISO trong hoạt động của các cơ quan nhà nước;

- Thực hiện kết nối, liên thông phần mềm Quản lý văn bản tới các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và từ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tới Văn phòng Chính phủ;

- Từng bước triển khai thí điểm mô hình ứng dụng CNTT, sau đó rút kinh nghiệm và nhân rộng triển khai;

- Tuyển chọn và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT các cấp. Tiếp tục thực hiện chính sách, cơ chế thu hút nhân lực chất lượng cao và có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với cán bộ chuyên trách CNTT.

** Giải pháp môi trường pháp lý*

- Xây dựng và ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang;

- Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách về biên chế, thu hút, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ công nghệ thông tin, đội ngũ giám sát, cảnh báo, ứng cứu sự cố, phòng chống tấn công, đảm bảo an toàn mạng của cơ quan nhà nước;

- Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến;

** Giải pháp tổ chức*

- Ban chỉ đạo CNTT tỉnh tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, hướng tới xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang;

- Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện thành lập và tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo CNTT; Giám đốc CNTT của cơ quan, đơn vị; nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo các cấp về ứng dụng và phát triển CNTT.

- Kiện toàn và phát huy vai trò bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thông tin, có lãnh đạo chuyên trách về an toàn thông tin, chú trọng công tác xây dựng và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách về đảm bảo an toàn thông tin, phòng chống tấn công mạng, giám sát, cảnh báo, ứng cứu sự cố tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

III. Mục tiêu ứng dụng CNTT năm 2017

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước nhằm tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động, gắn với quá trình cải cách hành chính để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 3, 4 đáp ứng nhu cầu thực tế giúp cho người dân và doanh nghiệp trong tỉnh làm việc với các cơ quan nhà nước nhanh chóng, thuận tiện, tiết kiệm và hiệu quả hơn.

Bổ sung, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin; xây dựng và hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tạo nền tảng và tiến tới xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bí mật nhà nước.

Tích hợp, kết nối liên thông các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, tạo lập môi trường chia sẻ thông tin qua mạng rộng khắp giữa các cơ quan, đơn vị trên cơ sở khung Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang.

IV. Nội dung kế hoạch

Căn cứ mục tiêu đã đề ra, trong năm 2017, tỉnh tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP, Nghị quyết 36a/NQ-CP, Quyết định 1819/QĐ-TTg, Chương trình hành động số 38-Ctr/TU, Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 19/3/2015 Thực hiện Chương trình hành động số 38-CTr/TU ngày 16/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang (khóa XV) thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 về phê duyệt Lộ trình thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2015 - 2016, định hướng đến năm 2020; Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 01/3/2016 của UBND tỉnh về Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016 - 2020, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Xây dựng mạng WAN của tỉnh: Sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước để kết nối mạng LAN của các cơ quan, đơn vị thành mạng WAN của tỉnh. Xây dựng mạng WAN tốc độ cao, đa dịch vụ, liên kết các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, trao đổi thông tin giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh và kết nối với Trung ương đảm bảo an toàn, bảo mật;

- Bổ sung, nâng cấp hệ thống máy chủ; hệ thống lưu trữ, sao lưu dự phòng và an toàn, an ninh thông tin cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh;

- Triển khai ứng dụng chứng thực điện tử và chữ ký số trong việc trao đổi văn bản điện tử, trong hoạt động ứng dụng CNTT của các đơn vị theo Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 01/3/2016 về Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016 - 2020;

- Tiếp tục đầu tư mở rộng, kết nối Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Tuyên Quang tới 17 điểm cầu nhánh tại các Sở, ban, ngành trong tỉnh;

- Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật nội bộ các cơ quan nhà nước, đảm bảo các điều kiện cần thiết sẵn sàng thực hiện kết nối với mạng WAN của tỉnh, triển khai các ứng dụng CNTT dùng chung; đầu tư hệ thống sao lưu; hệ thống an toàn, an ninh và bảo mật cho hạ tầng CNTT của các cơ quan, đơn vị; trang bị thiết bị CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức phục vụ công tác chuyên môn.

2. Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý nhà nước

- Đẩy mạnh sử dụng có hiệu quả các ứng dụng dùng chung của tỉnh, như: Hệ thống thư điện tử; phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành; Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến; phần mềm kế toán; phần mềm quản lý tài sản; cơ sở dữ liệu

cán bộ, công chức, viên chức;... Tiếp tục xây dựng và triển khai các phần mềm dùng chung, phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác;

- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thư điện tử của tỉnh; tạo lập và cung cấp hòm thư điện tử của tỉnh cho 100% cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh; tiếp tục triển khai kết nối, liên thông phần mềm Quản lý văn bản từ cấp huyện, các Sở, ban, ngành lên Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Văn phòng Chính phủ; từ xã, phường, thị trấn lên Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

- Các cơ quan, đơn vị trong tỉnh tiếp tục ứng dụng hiệu quả các phần mềm CNTT phục vụ công tác chuyên môn tại đơn vị mình.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Bổ sung, hoàn thiện Cổng thông tin điện tử/Trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP;

- Ưu tiên triển khai cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 3, 4 theo Nghị quyết 36a/NQ-CP, Quyết định 1819/QĐ-TTg, Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 về phê duyệt Lộ trình thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2015 - 2016, định hướng đến năm 2020;

- Duy trì, cung cấp thông tin và các dịch vụ công trực tuyến; nâng cao tỷ lệ giao dịch điện tử giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền các cấp, đặc biệt là các dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước;

- Ứng dụng CNTT tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

+ Các Sở, ban, ngành tiếp tục triển khai thực hiện và sử dụng có hiệu quả Hệ thống “Một cửa điện tử” tại đơn vị mình, ưu tiên cung cấp các dịch vụ công mức độ 3;

+ Nâng cấp, sử dụng có hiệu quả hệ thống “một cửa điện tử cấp huyện”; tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống “một cửa điện tử cấp huyện” tại 01 huyện trong tỉnh;

+ Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của đơn vị, đảm bảo đầy đủ trang thiết bị CNTT cho cán bộ tiếp nhận và trả kết quả; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đẩy mạnh đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các xã, phường, thị trấn trực thuộc.

- Khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng CNTT trong quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và quảng bá sản phẩm; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp trong tỉnh hợp tác, tiếp nhận và chuyển giao các thành tựu công nghệ, tổ chức kinh doanh, phát triển, phân phối sản phẩm dịch vụ CNTT của Việt Nam trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên sử dụng các sản phẩm và dịch vụ CNTT mang thương hiệu Việt Nam, được tạo ra trong nước và trong tỉnh.

4. Xây dựng hoàn thiện các HTTT, CSDL chuyên ngành tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử

Triển khai xây dựng và hoàn thiện các HTTT, CSDL chuyên ngành tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang như: Xây dựng CSDL doanh nghiệp; CSDL công chứng; CSDL tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; CSDL tài nguyên môi trường, đất đai; CSDL về các hợp tác xã; CSDL quản lý lưu trú trên địa bàn tỉnh; hệ thống thông tin kinh tế - xã hội; xây dựng hệ thống đảm bảo an ninh, an toàn thông tin và ứng dụng CNTT trong giải quyết các thủ tục hành chính; xây dựng chương trình quản lý lưu trú trên địa bàn tỉnh.

5. Phát triển nguồn nhân lực

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn về an toàn, an ninh thông tin theo Quyết định số 99/QĐ-TTg ngày 14/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

- Đào tạo, tập huấn về xây dựng, triển khai Kiến trúc chính phủ điện tử cấp tỉnh;

- Đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin;

- Đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo công nghệ thông tin (giám đốc công nghệ thông tin - CIO) cho các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

- Phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức các lớp đào tạo tiêu chuẩn nghiệp vụ cho cán bộ phụ trách CNTT của các cơ quan, đơn vị, như: Quản trị mạng; chuyên sâu về bảo đảm an toàn; an ninh thông tin; xử lý và ứng cứu sự cố mạng, máy tính, ...

V. Giải pháp

1. Giải pháp môi trường chính sách

- Tiếp tục xây dựng và ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang;

- Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách về biên chế, thu hút, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ công nghệ thông tin, đội ngũ giám sát, cảnh báo, ứng cứu sự cố, phòng chống tấn công, đảm bảo an toàn mạng của cơ quan nhà nước;

- Xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định về an toàn thông tin; quy chế, quy định về ứng dụng chữ ký số; quy chế, quy định nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư ứng dụng CNTT, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính ...

2. Giải pháp tài chính

- Thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo khả thi về nguồn lực triển khai; ưu tiên tập trung đầu tư các chương trình, dự án quan trọng, cấp thiết phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh;

- Có chính sách thu hút, khuyến khích, tăng cường nguồn lực cho ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước;

- Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, khai thác các nguồn vốn từ các chương trình, dự án hỗ trợ từ các bộ, ngành trung ương để thực hiện các

chương trình, dự án quan trọng, cấp thiết; khuyến khích các doanh nghiệp viên thông trong tỉnh đầu tư phát triển hạ tầng, các dịch vụ CNTT;

- Khuyến khích thuê dịch vụ CNTT để triển khai ứng dụng CNTT theo Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước.

3. Giải pháp triển khai

- Tích cực hơn nữa trong công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong tỉnh về vai trò, tác dụng của việc ứng dụng và phát triển CNTT vào thực tiễn cuộc sống;

- Gắn việc ứng dụng và phát triển CNTT với việc thực hiện cải cách hành chính và các nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh;

- Tiếp tục triển khai thực hiện ứng dụng CNTT kết hợp với Hệ thống quản lý chất lượng ISO trong hoạt động của các cơ quan nhà nước;

- Chỉ đạo thực hiện kết nối, liên thông phần mềm Quản lý văn bản tới các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố với Văn phòng UBND tỉnh;

- Từng bước triển khai thí điểm mô hình ứng dụng CNTT, sau đó rút kinh nghiệm và nhân rộng triển khai;

- Các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng đề án, dự án, Kế hoạch về ứng dụng CNTT trong hoạt động của đơn vị mình;

- Tuyển chọn và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT các cấp. Tiếp tục chính sách, cơ chế thu hút nhân lực chất lượng cao và có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với cán bộ chuyên trách CNTT.

4. Giải pháp đảm bảo an toàn thông tin

- Thực hiện nghiêm Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang và các quy định hiện hành về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT;

- Đầu tư thiết bị tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; nâng cấp, bổ sung thiết bị phần cứng, phần mềm bảo mật cho các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

- Triển khai các giải pháp bảo đảm phòng, chống virus, mã độc hại cho máy tính cá nhân; triển khai giải pháp lưu nhật ký đối với các hệ thống thông tin quan trọng, Cổng Thông tin, Trang thông tin điện tử;

- Định kỳ hàng năm thực hiện việc kiểm tra, đánh giá về an toàn thông tin; xây dựng và diễn tập về đảm bảo an toàn thông tin với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cùng sự tham gia của các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp có liên quan.

- Tăng cường hoạt động của Đội ứng cứu sự cố mạng, máy tính tỉnh Tuyên Quang, giám sát, tăng cường bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin, chuẩn bị sẵn sàng kế hoạch, kịch bản ứng phó và khắc phục khi xảy ra sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh.

5. Giải pháp tổ chức

- Ban chỉ đạo CNTT tỉnh tăng cường hơn nữa công tác chỉ đạo thực hiện ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, hướng tới xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang;

- Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp tục hoàn thiện và tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo CNTT; Giám đốc CNTT của cơ quan, đơn vị; nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo các cấp về ứng dụng và phát triển CNTT.

- Tiếp tục kiện toàn và phát huy vai trò bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thông tin, có lãnh đạo chuyên trách về an toàn thông tin, chú trọng công tác xây dựng và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách về đảm bảo an toàn thông tin, phòng chống tấn công mạng, giám sát, cảnh báo, ứng cứu sự cố tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

VI. Danh mục nhiệm vụ, dự án

(Có danh mục dự án kèm theo)

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố để tổ chức thực hiện;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính lập kế hoạch phân bổ kinh phí về ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ, theo quy định.

- Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng các chương trình, chính sách thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông; phát triển giao dịch điện tử, chương trình phát triển hạ tầng viễn thông và Internet; sơ kết đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng năm và tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch vào năm kết thúc;

- Xây dựng nền tảng liên kết, tích hợp các ứng dụng dùng chung và chuyên ngành phục vụ ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp theo nhiệm vụ được giao. Nghiên cứu, đề xuất các phương án nâng cao hiệu quả sử dụng Mạng diện rộng của tỉnh và Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về CNTT;

- Triển khai công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên tổ chức kiểm tra công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong các hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước thuộc tỉnh.

- Xây dựng tiêu chí đánh giá, công nhận các cơ quan đạt tiêu chuẩn cơ quan điện tử.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Tài chính bố trí vốn cho các chương trình, dự án CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Chính quyền điện tử cấp tỉnh.

- Hướng dẫn, tạo điều kiện bố trí kinh phí theo hình thức đối tác công tư.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai kế hoạch, dự án đảm bảo đúng tiến độ.

3. Sở Tài chính

- Đảm bảo cân đối kinh phí cho các dự án, hạng mục đầu tư ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước theo kế hoạch được duyệt, đảm bảo đủ kinh phí, phù hợp tiến độ. Ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh.

- Hướng dẫn, tạo điều kiện bố trí kinh phí theo hình thức thuê dịch vụ CNTT.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng và trình ban hành các văn bản, quy định về tài chính phù hợp với đặc thù ứng dụng CNTT, bảo đảm kinh phí thường xuyên cho ứng dụng CNTT.

- Ghi loại chi CNTT theo phân ngành kinh tế trong hệ thống mục lục ngân sách như quy định tại Luật Công nghệ thông tin năm 2006.

4. Sở Nội vụ

- Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với Chương trình cải cách hành chính. Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện ứng dụng CNTT trong cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh.

- Ứng dụng CNTT để thực hiện công tác thi tuyển, nâng ngạch công chức một cách minh bạch, công bằng.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng và trình ban hành văn bản quy định về đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức về lĩnh vực CNTT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng; ưu tiên biên chế cán bộ CNTT cho các cơ quan nhà nước.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo phụ trách CNTT các cấp; xây dựng các

chương trình nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức về CNTT và khai thác thông tin trên Internet cho các cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các ban, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng, phát triển CNTT trong nghiên cứu các đề tài khoa học trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng chương trình, tổ chức thực hiện việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm CNTT phục vụ Chính quyền điện tử của tỉnh.

6. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Chủ động tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang năm 2017 đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu đã đặt ra.

- Đưa Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh vào hoạt động đảm bảo yêu cầu đặt ra. Phối hợp triển khai và sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung của tỉnh.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng CNTT của đơn vị; triển khai đầu tư các hạng mục phù hợp, khoa học, đồng bộ, đảm bảo tuân thủ các quy định của nhà nước.

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang năm 2017; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận: 

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
 - TT. TU, HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - CVP UBND tỉnh;
 - Công thông tin điện tử tỉnh;
 - Phòng TH; NC, THCB;
 - Lưu VT, Tủng CNTT.
- (báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hải Anh



DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2016

(Kèm theo Kế hoạch số: 93

/KH-UBND ngày 15

tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp hay dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Phạm vi đầu tư	Nội dung đầu tư	Thời gian triển khai	Nguồn vốn	Trạng thái triển khai
1	Dự án xây dựng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Tuyên Quang - Giai đoạn II	Sở Thông tin và Truyền thông	CNTT	Chuyển tiếp	Mở rộng hệ thống hạ tầng truyền thông điện tử đa phương tiện phục vụ hoạt động QL, chỉ đạo, điều hành của tỉnh	Trang bị hệ thống họp giao ban điện tử trực tuyến và xây dựng đường truyền riêng kết nối giữa 17 Sở, ban, ngành trong tỉnh	Các sở (17 điểm)	Đầu tư thiết bị đầu cuối và hệ thống âm thanh	Năm 2016	Địa phương	Đang triển khai
2	Dự án Ứng dụng CNTT đẩy mạnh phát triển Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016 - 2020	Sở Thông tin và Truyền thông	CNTT	Mới	Xây dựng nền tảng chia sẻ và tích hợp (L-GSP-nền tảng tích hợp, chia sẻ cấp Bộ, tỉnh) tỉnh Tuyên Quang, một số nền tảng (platform) dùng chung, ứng dụng dùng chung cho các đơn vị hành chính của tỉnh.	+ Đầu tư hạ tầng kỹ thuật - Thiết bị cho hệ thống vận hành chính. + Xây dựng các phần mềm vận hành nền tảng L-GSP. + Xây dựng hệ thống nền tảng ứng dụng chính phủ điện tử tỉnh Tuyên Quang (Core Platform). + Xây dựng Khung CSDL hành chính công của tỉnh + Nâng cấp và xây dựng mới các ứng dụng dùng chung, cải cách hành chính tuân thủ tiêu chuẩn Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang	Cấp tỉnh	Hạ tầng kỹ thuật, phần mềm vận hành, nền tảng chính quyền điện tử cấp tỉnh...	2016 - 2020	Trung ương, địa phương	Đang triển khai

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyên tiếp hay dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Phạm vi đầu tư	Nội dung đầu tư	Thời gian triển khai	Nguồn vốn	Trạng thái triển khai
3	Xây dựng hệ thống vận hành và các sản phẩm đầu ra đối với bộ phận một cửa	Sở Kế hoạch và Đầu tư	CNTT	Mới	Giúp cá nhân, tổ chức đến giao dịch được giải quyết thủ tục hành chính thuận lợi	Trang bị hệ thống vận hành hỗ trợ giao dịch giúp cá nhân, tổ chức đến giao dịch được giải quyết thủ tục hành chính thuận lợi	Tại Sở Kế hoạch và Đầu tư	Xây dựng phần mềm một cửa điện tử	2016	Viện trợ không hoàn lại của Luxemburg	Đang triển khai
4	Đề án ứng dụng tin học trong quản lý tài chính, ngân sách địa phương giai đoạn 3 (2016 - 2020).	Sở Tài chính	CNTT	Mới	Tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước và điều hành chuyên môn nghiệp vụ của các đơn vị quản lý tài chính trên địa bàn tỉnh	Xây dựng phần mềm ứng dụng. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, thiết bị. Triển khai các dịch vụ đề án	Sở Tài chính và các phòng KHTC cấp huyện	Mua thiết bị, phần mềm quản lý tài chính, đào tạo	2016	Ngân sách tỉnh	Đang triển khai
5	Nâng cấp trang thông tin điện tử tổng hợp Sở TN&MT	Sở Tài nguyên & Môi trường	CNTT	Mới	Hoàn thiện trang thông tin điện tử	Xây dựng các modul bổ sung cho trang thông tin điện tử	Sở Tài nguyên & Môi trường	Nâng cấp bổ sung tính năng	2016	Ngân sách tỉnh	Đã triển khai
6	Cập nhật dữ liệu và đào tạo sử dụng Phần mềm Một cửa điện tử				Giúp người dân, doanh nghiệp giao dịch thuận tiện	Đầu tư hệ thống một cửa điện tử bằng hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin		Cập nhật dữ liệu và đào tạo sử dụng phần mềm			
7	Dự án nâng cấp mạng nội bộ và trang thiết bị công nghệ thông tin Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	CNTT	Mới	Tăng cường công tác quản lý điều hành, nâng cao hiệu quả xử lý công việc gắn với ứng dụng CNTT	Đầu tư hệ thống máy chủ, tường lửa, máy trạm, nâng cấp hệ thống mạng	Văn phòng	Mua thiết bị, phần mềm bản quyền	2016	Ngân sách tỉnh	Đã triển khai

Stt	Nội dung	Đơn vị triển khai	Phạm vi	Thời gian	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn
2.10	Xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các huyện	2015 - 2020	13123	Địa phương
2.11	Xây dựng CSDL Hợp tác xã	Liên Minh hợp tác xã	Toàn tỉnh	2017 - 2018	500	Địa phương
2.12	Xây dựng hệ thống đảm bảo an ninh, an toàn thông tin	Công an tỉnh	Toàn tỉnh	2017 - 2018	3000	Địa phương
2.13	Xây dựng Ứng dụng CNTT trong giải quyết các thủ tục hành chính	Công an tỉnh	Toàn tỉnh	2017 - 2020	2000	Địa phương
2.14	Quản lý lưu trữ trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Toàn tỉnh	2017	350	Địa phương
2.15	Xây dựng CSDL tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo	Thanh tra tỉnh	Toàn tỉnh	2017	1000	Địa phương
2.16	Dự án Tin học thuộc kế hoạch năm 2017 của Đề án ứng dụng tin học trong quản lý tài chính, ngân sách địa phương giai đoạn 3 (2016 - 2020)	Sở Tài chính	Sở Tài chính; phòng Tài chính - kế hoạch huyện, thành phố	2017	5466	Địa phương
2.17	Nâng cấp phần mềm cơ sở dữ liệu thu - chi ngân sách, ứng dụng quản trị và báo cáo điều hành của Sở Tài chính	Sở Tài chính	Sở Tài chính	2017	350	Địa phương
2.18	Nâng cấp trang Website của Sở Tài chính	Sở Tài chính	Sở Tài chính	2017	50	Địa phương
3	Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp					
	Xây dựng hệ thống một cửa điện tử và cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thí điểm tại 01 huyện trong tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Cấp huyện	2017	600	Địa phương
4	Ứng dụng CNTT đẩy mạnh phát triển Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang					
4.1	Xây dựng kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang	Sở Thông tin và Truyền thông	Cấp tỉnh	2017	500	Địa phương
4.2	Dự án Ứng dụng Công nghệ thông tin đẩy mạnh phát triển Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang	Sở Thông tin và Truyền thông	Cấp tỉnh	2017-2020	46251	Vốn Trung ương, địa phương
5	Phát triển nguồn nhân lực CNTT					
5.1	Tập huấn, bồi dưỡng nội dung Quản trị mạng	Sở Thông tin và Truyền thông	Toàn tỉnh	2017	127	Địa phương
5.2	Tập huấn, bồi dưỡng nội dung An ninh, an toàn thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	Toàn tỉnh	2017	127	Địa phương
5.3	Đào tạo Giám đốc công nghệ thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	Toàn tỉnh	2017	127	Địa phương

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN NĂM 2017

(Kèm theo Kế hoạch số 93 /KH-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)



Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Đơn vị triển khai	Phạm vi	Thời gian	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn
1	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật phục vụ ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước					
1.1	Xây dựng mạng diện rộng (WAN) của tỉnh kết nối các sở, ban, ngành, UBND các huyện, TP	Sở Thông tin và Truyền thông	VP Tỉnh uỷ, VP UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, TP	2017 - 2018	1000	Địa phương
1.2	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	2017	842	Địa phương
1.3	Đầu tư hệ thống an toàn, an ninh thông tin cho các cơ quan nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	2017	1000	Địa phương
2	Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước					
2.1	Nâng cấp và triển khai nhân rộng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc	Sở Thông tin và Truyền thông	VP UBND tỉnh; VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	2017 - 2018	Thuê thực tế	Địa phương
2.2	Nâng cấp Hệ thống thư điện tử của Tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Hệ thống thư điện tử của Tỉnh	2017	500	Địa phương
2.3	Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang	Sở Thông tin và Truyền thông	Cấp tỉnh	2017	500	Địa phương
2.4	Triển khai ứng dụng chứng thực điện tử và chữ ký số chuyên dùng trong trao đổi VBĐT	Sở Thông tin và Truyền thông	VP UBND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Tài chính, Sở TTTT	2017	750	Địa phương
2.5	Xây dựng CSDL Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cấp tỉnh	2017 - 2018	1000	Địa phương
2.6	Xây dựng Hệ thống thông tin Kinh tế - xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cấp tỉnh	2017 - 2018	1000	Địa phương
2.7	Xây dựng CSDL Công chứng	Sở Tư pháp	Cấp tỉnh	2017 - 2018	1000	Địa phương
2.8	Xây dựng CSDL về Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Cấp tỉnh	2017 - 2020	10000	Địa phương
2.9	Tăng cường Quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Cấp tỉnh, 5 huyện, thành phố	2017 - 2022	105012	Nguồn vốn Trung ương, ngân sách tỉnh và vốn IDA

Stt	Nội dung	Đơn vị triển khai	Phạm vi	Thời gian	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn
5.4	<i>Đào tạo, tập huấn về Khung Kiến trúc Chính quyềnĐT tỉnh Tuyên Quang, Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử</i>	Sở Thông tin và Truyền thông	Toàn tỉnh	2017	162	Địa phương
5.5	<i>Tập huấn phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên hệ thống một cửa điện tử của Sở TNMT tỉnh Tuyên Quang</i>	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	2017	37	Địa phương